

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Số: /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình
trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Đắk Lắk**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Đề án số 6990/ĐA-UBND tỉnh ngày 25/6/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về thành lập Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở hợp nhất Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 27/TTr-SKHCN ngày 14/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục **1.427** dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) tỉnh Đắk Lắk; trong đó: Cấp tỉnh: **1.239** dịch vụ công trực tuyến toàn trình, Cấp xã: **188** dịch vụ công trực tuyến toàn trình (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã

a) Trên cơ sở danh sách dịch vụ công trực tuyến toàn trình tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh thực hiện tái cấu trúc quy trình thực hiện các Dịch vụ công trực

tuyển toàn trình trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đảm bảo đúng quy định.

b) Tổ chức ứng dụng, thực hiện có hiệu quả việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hàng năm chủ động rà soát, cập nhật, bổ sung danh sách dịch vụ công trực tuyến toàn trình đủ điều kiện theo quy định và khi có sự thay đổi về TTHC.

c) Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân, doanh nghiệp và các đơn vị thuộc cấp quản lý về việc nộp hồ sơ trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, Cổng dịch vụ công Quốc gia; đồng thời, đề ra các giải pháp đẩy mạnh việc nộp hồ sơ trực tuyến.

d) Thường xuyên rà soát, điều chỉnh danh mục dịch vụ công trực tuyến gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đôn đốc, theo dõi các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Quyết định này; tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh kết quả, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

b) Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thiện quy trình hoặc xây dựng lại, điều chỉnh, bổ sung quy trình trên hệ thống phần mềm để thống nhất, phù hợp, đảm bảo việc triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh được thông suốt và hiệu quả.

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tích hợp và điều chỉnh các dịch vụ công trực tuyến các mức độ thành dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo Phụ lục kèm theo Quyết định này lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

d) Hỗ trợ các đơn vị thực hiện đồng bộ, liên thông các TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các xã, phường lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia theo quy định.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hàng năm rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Danh mục tại Điều 1 Quyết định này phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế danh mục TTHC trực tuyến toàn trình ban hành kèm theo Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về công bố Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Phú Yên và Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk

Lắc (cũ) về công bố Danh mục TTHC được cung cấp, tiếp nhận và giải quyết trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Đắk Lắk.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KHCN;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- Viễn thông Đắk Lắk;
- Trung tâm CN&CTTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Các Phòng, TT thuộc Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, PVHCC (B_05b).

(b/c)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Công Thái

Phụ lục
DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH
TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT TTHC TỈNH ĐẮK LẮK
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. DANH MỤC TTHC CẤP TỈNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
I	VĂN PHÒNG UBND TỈNH					
1	2.002311	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Hội nghị, hội thảo quốc tế	Không	Không	
2	2.002312	Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Hội nghị, hội thảo quốc tế	Không	Không	
3	2.002313	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Hội nghị, hội thảo quốc tế	Không	Không	
4	2.002314	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Hội nghị, hội thảo quốc tế	Không	Không	
5	3.000242	Cấp văn bản cho phép sử dụng thẻ ABTC tại địa phương	Quản lý Xuất nhập cảnh	Không	Không	
II	SỞ Y TẾ					
1	1.012256	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	Khám bệnh, chữa bệnh	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
2	1.012275	Đăng ký hành nghề	Khám bệnh, chữa bệnh	Không	Không	
3	1.012281	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	Khám bệnh chữa bệnh	Không	Không	
4	1.003580	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	Phòng bệnh	Không	Không	
5	2.000655	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	Phòng bệnh	Không	Không	
6	1.002944	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	Có	Có	
7	1.002467	Công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	Phòng bệnh	Có	Có	
8	1.004070	Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	Có	Có	
9	1.004062	Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	Có	Có	
10	1.002564	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	Có	Có	
11	1.001189	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Phòng bệnh	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
12	1.001178	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	Phòng bệnh	Không	Không	
13	1.001114	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Phòng bệnh	Không	Không	
14	1.003006	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	Thiết bị y tế	Có	Có	
15	1.003039	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	Thiết bị y tế	Có	Có	
16	1.003029	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B	Thiết bị y tế	Có	Có	
17	3.000447	Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể đối với thiết bị y tế loại A, B	Thiết bị y tế	Không	Không	
18	3.000448	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B	Thiết bị y tế	Có	Có	
19	3.000449	Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất	Thiết bị y tế	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
20	1.009407	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bảo chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	Dược phẩm	Không	Không	
21	1.001396	Cung cấp thuốc phóng xạ	Dược phẩm	Không	Không	
22	1.014069	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc	Dược phẩm	Không	Không	
23	1.014078	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định	Dược phẩm	Không	Không	
24	1.014087	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Dược phẩm	Không	Không	
25	1.014090	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	Dược phẩm	Không	Không	
26	1.014092	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ	Dược phẩm	Có	Có	
27	1.014085	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	Dược phẩm	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
28	1.014100	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	Dược phẩm	Không	Không	
29	1.014101	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	Dược phẩm	Không	Không	
30	1.014102	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	Dược phẩm	Không	Không	
31	1.014104	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược phẩm	Không	Không	
32	1.014105	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	Dược phẩm	Không	Không	
33	1.003073	Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm	Có	Có	
34	1.000990	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Mỹ phẩm	Không	Không	
35	1.000662	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Mỹ phẩm	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
36	1.002600	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	Mỹ phẩm	Có	Có	
37	1.013838	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	An toàn thực phẩm	Có	Có	
38	1.013847	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	An toàn thực phẩm	Không	không	
39	1.013851	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm	Có	Có	
40	1.013858	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm	Có	Có	
41	1.013862	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm	Có	Có	
42	1.013841	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm	An toàn thực phẩm	không	không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
		Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025				
43	1.013829	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu	An toàn thực phẩm	Có	Có	
44	1.003348	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	Có	Có	
45	1.003332	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	Có	Có	
46	1.003108	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	Có	Có	
47	1.013814	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập và giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	Bảo trợ xã hội	Không	Không	
48	1.013815	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội	Không	Không	
49	1.013817	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	Bảo trợ xã hội	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
50	1.012993	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Bảo trợ xã hội	Không	Không	
51	1.012990	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội	Bảo trợ xã hội	Không	Không	
52	2.000286	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội	Không	Không	
53	2.000282	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội	Không	Không	
54	2.000477	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội	Không	Không	
55	1.001806	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	Bảo trợ xã hội	Không	Không	
III	SỞ TÀI CHÍNH					
1	2.001610	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	
2	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	
3	2.001199	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
4	2.002043	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	
5	2.002042	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	
6	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đăng ký đổi tên của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	
7	1.005169	Đề nghị doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thay đổi tên doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Không quy định	Không quy định	
8	2.002011	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh, đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	
9	2.002010	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	
10	2.002009	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	
11	2.002008	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ là giả mạo	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Không quy định	Không quy định	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
12	1.005114	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	
13	2.002000	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	
14	2.001996	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	
15	2.001993	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	
16	2.002044	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông sáng lập, thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, thông tin để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (của công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	
17	2.001954	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Không quy định	Không quy định	
18	2.002069	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
19	2.002070	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Không quy định	Không quy định	
20	2.002031	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	
21	2.002045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	
22	1.010026	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn là tổ chức, cổ đông là tổ chức nước ngoài	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	
23	2.002085	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	
24	2.002083	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
25	2.002059	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	
26	2.002060	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	
27	2.002057	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	
28	2.002034	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	
29	2.002032	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	
30	2.002033	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	
31	2.002018	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
32	2.002017	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	
33	2.002015	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Có	Có	
34	2.002029	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh, thông báo tạm ngừng hoạt động, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo đối với văn phòng đại diện	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Không	Không	
35	2.002023	Giải thể doanh nghiệp, giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Không	Không	
36	2.002020	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Không	Không	
37	2.002016	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp, hiệu đính thông tin trên Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh và các thông tin về đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
38	2.000368	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Không quy định	Không quy định	
39	2.000416	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Không quy định	Không quy định	
40	2.000375	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Không quy định	Không quy định	
41	1.010029	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Không quy định	Không quy định	
42	1.010010	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Không quy định	Không quy định	
43	1.010023	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Không quy định	Không quy định	
44	2.000024	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa	Không	Không	
45	1.000016	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa	Không	Không	
46	2.000005	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
47	2.002005	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa	Không	Không	
48	2.002004	Thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư (cấp tỉnh)	Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa	Không	Không	
49	2.001999	Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp	Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa	Không	Không	
50	1.009664	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Đầu tư trong nước	Không	Không	
51	1.009665	Cấp lại và hiệu đính thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư trong nước	Không	Không	
52	1.009671	Đổi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư trong nước	Không	Không	
53	1.012507	Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Đấu thầu	Có	Có	
54	1.012508	Cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Đấu thầu	Có	Có	
55	1.012509	Gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Đấu thầu	Có	Có	
56	1.012510	Thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Đấu thầu	Không	Không	
57	2.002665	Chuyển đổi Công ty nhà nước thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Lĩnh vực chuyển đổi Công ty nhà nước được thành lập và	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
			hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty TNHH một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp			
58	2.002666	Chuyển đổi Công ty con chưa chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên	Lĩnh vực chuyển đổi Công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty TNHH một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp	Có	Có	
59	2.002667	Đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Công ty nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi	Lĩnh vực chuyển đổi Công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty TNHH một thành viên tổ chức và hoạt	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
			động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp			
60	2.002206	Đăng ký mã số cho các đơn vị có quan hệ với ngân sách	Tin học - Thống kê	Không	Không	
IV	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO					
1	1.012958	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên	Các cơ sở giáo dục khác	Không	Không	
2	1.004999	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên	Các cơ sở giáo dục khác	Không	Không	
3	1.004991	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	Các cơ sở giáo dục khác	Không	Không	
4	1.012959	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	Các cơ sở giáo dục khác	Không	Không	
5	3.000299	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	Các cơ sở giáo dục khác	Không	Không	
6	3.000300	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Các cơ sở giáo dục khác	Không	Không	
7	3.000301	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật	Các cơ sở giáo dục khác	Không	Không	
8	3.000304	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật	Các cơ sở giáo dục khác	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
9	3.000305	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Các cơ sở giáo dục khác	Không	Không	
10	3.000306	Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông	Các cơ sở giáo dục khác	Không	Không	
11	1.010641	Thành lập hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
12	1.010642	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
13	1.010643	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
14	1.013759	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật, phân hiệu của trường trung cấp tư thục	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
15	1.000234	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
16	1.010927	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
17	1.000482	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
18	2.000632	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
19	1.013764	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
20	1.013764	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
21	1.000138	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
22	1.000530	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
23	1.000154	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
24	1.000553	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
25	2.000130	Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
26	1.000159	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
27	1.000729	Xếp hạng trung tâm giáo dục thường xuyên	Giáo dục thường xuyên	Không	Không	
28	1.012944	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	Giáo dục trung học	Không	Không	
29	1.012955	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	Giáo dục trung học	Không	Không	
30	1.012956	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	Giáo dục trung học	Không	Không	
31	2.002756	Thông báo đủ điều kiện bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số	Giáo dục và Đào tạo	Không	Không	
32	2.002593	Đề nghị đánh giá, công nhận Đơn vị học tập cấp tỉnh	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Không	Không	
33	1.001499	Phê duyệt liên kết giáo dục	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Không	Không	
34	2.000545	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
		đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ				
35	1.000716	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Không	Không	
36	1.008722	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Không	Không	
37	1.013767	Giải thể, chấm dứt cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Không	Không	
38	1.008723	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Không	Không	
39	1.008720	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Không	Không	
40	1.008721	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
41	2.000729	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Không	Không	
42	2.000451	Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Không	Không	
43	2.000680	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Không	Không	
44	1.001501	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Không	Không	
45	1.009394	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	Thi, tuyển sinh	Không	Không	
46	1.000288	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Không	Không	
47	1.000280	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Không	Không	
48	1.000691	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Không	Không	
49	1.000715	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục	Không	Không	
50	1.000713	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
51	1.000711	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục	Không	Không	
52	1.005008	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác	Không	Không	
53	1.005061	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Các cơ sở giáo dục khác	Không	Không	
54	1.012960	Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Các cơ sở giáo dục khác	Không	Không	
55	2.001987	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	Các cơ sở giáo dục khác	Không	Không	
56	3.000297	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác	Không	Không	
57	3.000298	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại	Các cơ sở giáo dục khác	Không	Không	
58	3.000302	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác	Không	Không	
59	3.000303	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại	Các cơ sở giáo dục khác	Không	Không	
60	2.000189	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
61	1.000389	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
62	1.013760	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
63	1.013763	Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
64	1.013762	Cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
65	1.000509	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
66	1.010644	Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
67	1.010645	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
68	1.010646	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
69	1.010593	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
70	1.010594	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
71	1.010595	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
72	1.010596	Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
73	1.000167	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
74	1.010928	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
75	3.000317	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	Giáo dục thường xuyên	Không	Không	
76	1.013756	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên	Không	Không	
77	1.012957	Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	Giáo dục thường xuyên	Không	Không	
78	3.000319	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	Giáo dục thường xuyên	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
79	1.013758	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	Giáo dục thường xuyên	Không	Không	
80	1.013751	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	Giáo dục thường xuyên	Không	Không	
81	1.013753	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	Giáo dục thường xuyên	Không	Không	
82	3.000314	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	Giáo dục thường xuyên	Không	Không	
83	1.013752	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên	Không	Không	
84	3.000315	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	Giáo dục thường xuyên	Không	Không	
85	3.000316	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên	Không	Không	
86	1.012988	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Giáo dục thường xuyên	Không	Không	
87	1.012954	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục trung học	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
88	1.012953	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	Giáo dục trung học	Không	Không	
89	3.000181	Tuyển sinh trung học phổ thông	Giáo dục trung học	Không	Không	
90	2.002478	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông	Giáo dục trung học	Không	Không	
91	2.002479	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông Việt Nam về nước	Giáo dục trung học	Không	Không	
92	2.002480	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông người nước ngoài	Giáo dục trung học	Không	Không	
93	1.001088	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	Giáo dục trung học	Không	Không	
94	1.004988	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	Giáo dục trung học	Không	Không	
95	1.002407	Xét, cấp học bổng chính sách	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Không	Không	
96	1.005143	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Không	Không	
97	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
98	1.002982	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Không	Không	
99	1.005144	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Không	Không	
100	1.001497	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Không	Không	
101	1.001496	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Không	Không	
102	1.001492	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Không	Không	
103	1.006446	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Không	Không	
104	1.000718	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Không	Không	
105	1.001495	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
106	1.001493	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Không	Không	
107	1.000259	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	Kiểm định chất lượng giáo dục	Không	Không	
108	1.005098	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi, tuyển sinh	Không	Không	
109	1.005095	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi, tuyển sinh	Không	Không	
110	1.005142	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi, tuyển sinh	Không	Không	
111	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú (THPT)	Thi, tuyển sinh	Không	Không	
112	1.013338	Xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi, tuyển sinh	Không	Không	
113	1.005092	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp tỉnh)	Văn bằng, chứng chỉ	Không	Không	
114	1.004889	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	Văn bằng, chứng chỉ	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
V	SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH					
1	2.001631	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Di sản văn hoá	Không	Không	
2	1.003838	Thủ tục cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	Di sản văn hoá	Không	Không	
3	2.001613	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp Giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Di sản văn hoá	Không	Không	
4	1.003793	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Di sản văn hoá	Không	Không	
5	2.001591	Thủ tục cấp Giấy phép khai quật khảo cổ	Di sản văn hoá	Không	Không	
6	1.003738	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Di sản văn hoá	Không	Không	
7	1.001106	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	Di sản văn hoá	Không	Không	
8	1.001123	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	Di sản văn hoá	Không	Không	
9	1.001822	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Di sản văn hoá	Không	Không	
10	1.002003	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Di sản văn hoá	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
11	1.003901	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Di sản văn hoá	Không	Không	
12	2.001641	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Di sản văn hoá	Không	Không	
13	1.013456	Thủ tục cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	Di sản văn hoá	Không	Không	
14	1.013801	Thủ tục cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản tư liệu (địa phương)	Di sản văn hoá	Không	Không	
15	1.001833	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	Không	Không	
16	1.001809	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	Không	Không	
17	1.001778	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	Không	Không	
18	1.001755	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	Không	Không	
19	1.001738	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	Không	Không	
20	1.001704	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
21	1.001671	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	Không	Không	
22	1.001229	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	Không	Không	
23	1.001211	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	Không	Không	
24	1.001191	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	Không	Không	
25	1.001182	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	Không	Không	
26	1.001147	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	Không	Không	
27	1.009397	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	Nghệ thuật biểu diễn	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
28	1.009398	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	Nghệ thuật biểu diễn	Không	Không	
29	1.009399	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	Nghệ thuật biểu diễn	Không	Không	
30	1.009403	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	Nghệ thuật biểu diễn	Không	Không	
31	1.003676	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Văn hóa cơ sở	Không	Không	
32	1.003654	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Văn hóa cơ sở	Không	Không	
33	1.001008	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	Văn hóa cơ sở	Có	Có	
34	1.000922	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	Văn hóa cơ sở	Có	Có	
35	1.004650	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	Văn hóa cơ sở	Không	Không	
36	1.004645	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	Văn hóa cơ sở	Không	Không	
37	1.004639	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Văn hóa cơ sở	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
38	1.004666	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Văn hóa cơ sở	Có	Có	
39	1.004662	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Văn hóa cơ sở	Có	Có	
40	1.003784	Thủ tục thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa	Không	Không	
41	2.001496	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa	Có	Có	
42	1.006412	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế	Không	Không	
43	1.001082	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế	Không	Không	
44	1.001091	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế	Không	Không	
45	1.001376	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	Thi đua, khen thưởng	Không	Không	
46	1.001108	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	Thi đua, khen thưởng	Không	Không	
47	1.001032	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Thi đua, khen thưởng	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
48	1.000971	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Thi đua, khen thưởng	Không	Không	
49	1.000871	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật	Thi đua, khen thưởng	Không	Không	
50	1.000564	Xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật	Thi đua, khen thưởng	Không	Không	
51	1.011454	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim (thẩm quyền của ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Điện ảnh	Không	Không	
52	1.012080	Cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình	Không	Không	
53	1.012081	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình	Không	Không	
54	1.012082	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình	Không	Không	
55	2.001171	Cho phép hợp báo (trong nước)	Lĩnh vực Báo chí	Không	Không	
56	1.009374	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Lĩnh vực Báo chí	Không	Không	
57	1.009386	Văn bản chấp thuận nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Lĩnh vực Báo chí	Không	Không	
58	2.001173	Cho phép hợp báo (nước ngoài)	Lĩnh vực Báo chí	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
59	1.013781	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	Lĩnh vực Báo chí	Không	Không	
60	1.013782	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	Lĩnh vực Báo chí	Không	Không	
61	1.013783	Thủ tục cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	Lĩnh vực Báo chí	Không	Không	
62	1.013784	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	Lĩnh vực Báo chí	Không	Không	
63	1.013785	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	Lĩnh vực Báo chí	Không	Không	
64	1.013786	Thủ tục cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	Lĩnh vực Báo chí	Không	Không	
65	1.013787	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	Lĩnh vực Báo chí	Không	Không	
66	1.013788	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương	Lĩnh vực Báo chí	Không	Không	
67	1.013789	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung trong giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương	Lĩnh vực Báo chí	Không	Không	
68	1.013790	Thủ tục tiếp nhận đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu	Lĩnh vực Báo chí	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
69	1.008201	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (cấp địa phương)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	Không	Không	
70	2.001737	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in (cấp địa phương)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	Không	Không	
71	2.001744	Cấp lại giấy phép hoạt động in (cấp địa phương)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	Không	Không	
72	2.001584	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cấp địa phương)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	Không	Không	
73	1.003868	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh (địa phương)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	Có	Có	
74	1.003483	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm (cấp địa phương)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	Không	Không	
75	1.003114	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (cấp địa phương)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	Không	Không	
76	1.004153	Cấp giấy phép hoạt động in (cấp địa phương)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	Không	Không	
77	1.003725	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (cấp địa phương)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	Có	Có	
78	2.001594	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cấp địa phương)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	Không	Không	
79	1.003729	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cấp địa phương)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
80	2.001740	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in (cấp địa phương)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	Không	Không	
81	2.001564	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (cấp địa phương)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	Không	Không	
82	1.013698	Thủ tục cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Lĩnh vực Báo chí	Không	Không	
83	1.013699	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Lĩnh vực Báo chí	Không	Không	
84	1.013700	Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Lĩnh vực Báo chí	Không	Không	
85	1.013701	Thủ tục điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Lĩnh vực Báo chí	Không	Không	
86	1.004508	Cấp giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Không	Không	
87	1.001988	Cấp lại giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Không	Không	
88	1.001976	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Không	Không	
89	1.002001	Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
90	2.001087	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Không	Không	
91	1.003384	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Không	Không	
92	2.001765	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Không	Không	
93	1.005452	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Không	Không	
94	2.001091	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Không	Không	
95	2.001098	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Không	Không	
96	2.002740	Cấp lại giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương).	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Không	Không	
97	2.002738	Gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Không	Không	
98	2.002739	Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Không	Không	
99	2.002772	Cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Không	Không	
100	2.002773	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
101	2.002774	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Không	Không	
102	2.002188	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	Thể dục thể thao	Có	Có	
103	1.005163	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	Thể dục thể thao	Có	Có	
104	1.005162	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	Thể dục thể thao	Có	Có	
105	1.003441	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	Thể dục thể thao	Có	Có	
106	1.002445	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Thể dục thể thao	Có	Có	
107	1.002396	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	Thể dục thể thao	Có	Có	
108	1.001801	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	Thể dục thể thao	Có	Có	
109	1.001527	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	Thể dục thể thao	Có	Có	
110	1.001517	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	Thể dục thể thao	Có	Có	
111	1.001500	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	Thể dục thể thao	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
112	1.001195	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	Thẻ dực thể thao	Có	Có	
113	1.001056	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	Thẻ dực thể thao	Có	Có	
114	1.000983	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Thẻ dực thể thao	Có	Có	
115	1.000953	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	Thẻ dực thể thao	Có	Có	
116	1.000936	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	Thẻ dực thể thao	Có	Có	
117	1.000920	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	Thẻ dực thể thao	Có	Có	
118	1.000904	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	Thẻ dực thể thao	Có	Có	
119	1.000883	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	Thẻ dực thể thao	Có	Có	
120	1.000863	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billards & Snooker	Thẻ dực thể thao	Có	Có	
121	1.000847	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	Thẻ dực thể thao	Có	Có	
122	1.000842	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	Thẻ dực thể thao	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
123	1.000830	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	Thẻ dực thể thao	Có	Có	
124	1.000814	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	Thẻ dực thể thao	Có	Có	
125	1.000644	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thẻ dực thẩm mỹ	Thẻ dực thể thao	Có	Có	
126	1.000594	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Vũ đạo thể thao giải trí	Thẻ dực thể thao	Có	Có	
127	1.000560	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	Thẻ dực thể thao	Có	Có	
128	1.000544	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	Thẻ dực thể thao	Có	Có	
129	1.000518	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	Thẻ dực thể thao	Có	Có	
130	1.000501	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	Thẻ dực thể thao	Có	Có	
131	1.000485	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	Thẻ dực thể thao	Có	Có	
132	1.005357	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	Thẻ dực thể thao	Có	Có	
133	1.001213	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	Thẻ dực thể thao	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
134	2.001628	Cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Du lịch	Có	Có	
135	2.001616	Cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Du lịch	Có	Có	
136	2.001622	Cấp đổi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Du lịch	Có	Có	
137	2.001611	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	Du lịch	Không	Không	
138	2.001589	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	Du lịch	Không	Không	
139	1.003742	Thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	Du lịch	Không	Không	
140	1.001837	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch	Không	Không	
141	1.001440	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	Du lịch	Có	Có	
142	1.004605	Thủ tục cấp giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Du lịch	Không	Không	
143	1.003717	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
144	1.003240	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	Du lịch	Có	Có	
145	1.003275	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	Du lịch	Có	Có	
146	1.005161	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch	Có	Có	
147	1.003002	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch	Có	Có	
148	1.004628	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Du lịch	Có	Có	
149	1.004623	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Du lịch	Có	Có	
150	1.001432	Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Du lịch	Có	Có	
151	1.004614	Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	Du lịch	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
VI	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG					
1	1.012075	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	Trồng trọt	Có	Có	
2	1.012074	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	Trồng trọt	Không	Không	
3	1.012004	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Trồng trọt	Không	Không	
4	1.012003	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Không	Không	
5	1.012000	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Trồng trọt	Không	Không	
6	1.011999	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Trồng trọt	Không	Không	
7	1.012001	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Không	Không	
8	1.012002	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Không	Không	
9	1.004493	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
10	1.007933	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	Bảo vệ thực vật	Không	Không	
11	1.009478	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành	Khoa học và Công nghệ	Có	Có	
12	1.000055	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	Lâm nghiệp	Không	Không	
13	1.007918	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư	Lâm nghiệp	Không	Không	
14	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	Kiểm lâm	Không	Không	
15	1.012413	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	Kiểm lâm	Không	Không	
16	1.004150	Đăng ký tiếp cận nguồn gen	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Không	Không	
17	1.004096	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Không	Không	
18	1.004117	Cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Không	Không	
19	1.008672	Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên	Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Bảo tồn thiên	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
			nhiên và Đa dạng sinh học			
20	1.008675	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Không	Không	
21	1.012500	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước	Không	Không	
22	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Tài nguyên nước	Không	Không	
23	1.012502	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	Tài nguyên nước	Không	Không	
24	1.012503	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Tài nguyên nước	Không	Không	
25	1.012504	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Tài nguyên nước	Không	Không	
26	1.012505	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp nước sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	Tài nguyên nước	Không	Không	
27	2.001738	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Tài nguyên nước	Có	Có	
28	1.004253	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Tài nguyên nước	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
29	1.009669	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	Tài nguyên nước	Không	Không	
30	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	Tài nguyên nước	Không	Không	
31	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước	Không	Không	
32	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước	Không	Không	
33	1.000824	Thủ tục Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước	Có	Có	
34	1.008410	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	Quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai	Không	Không	
35	1.008409	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	Quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai	Không	Không	
36	1.008408	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai	Không	Không	
37	1.000987	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Khí tượng thủy văn	Không	Không	
38	1.000970	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Khí tượng thủy văn	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
39	1.000943	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Khí tượng thủy văn	Không	Không	
40	1.013861	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài	Khí tượng thủy văn	Không	Không	
41	1.013863	Phê duyệt kế hoạch tác động vào thời tiết	Khí tượng thủy văn	Không	Không	
42	1.005181	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử (cấp tỉnh)	Biển và Hải đảo	Có	Không	
43	1.004692	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	Thủy sản	Không	Không	
44	1.004344	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	Thủy sản	Không	Không	
45	1.003586	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	Thủy sản	Không	Không	
46	1.004359	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	Thủy sản	Không	Không	
47	1.004694	Công bố mở cảng cá loại 2	Thủy sản	Không	Không	
48	1.004697	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	Thủy sản	Không	Không	
49	1.004656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã	Thủy sản	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
		nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên				
50	1.004680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	Thủy sản	Không	Không	
51	1.004913	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	Thủy sản	Không	Không	
52	1.004921	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)	Thủy sản	Không	Không	
53	1.004923	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)	Thủy sản	Không	Không	
54	1.003634	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Thủy sản	Không	Không	
55	1.003650	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Thủy sản	Không	Không	
56	1.003681	Xóa đăng ký tàu cá	Thủy sản	Không	Không	
57	1.003666	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	Thủy sản	Không	Không	
58	1.004056	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	Thủy sản	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
59	1.000071	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	Kiểm lâm	Không	Không	
60	1.007916	Chấp nhận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	Kiểm lâm	Không	Không	
61	1.004237	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	Tổng hợp	Có	Có	
62	1.011671	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc bản đồ	Có	Có	
63	1.012756	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp Nhà nước giao đất để quản lý	Đất đai	Không	Không	
64	1.012789	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai	Đất đai	Có	Có	
65	1.012786	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	Đất đai	Có	Có	
66	1.012764	Chấp thuận tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án	Đất đai	Không	Không	
67	1.010728	Cấp đổi giấy phép môi trường	Môi trường	Không	Không	
68	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	Môi trường	Có	Có	
69	1.008603	Thủ tục kê khai, thẩm định tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Chính sách Thuế	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
70	1.013040	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Chính sách Thuế	Có	Có	
VII	SỞ CÔNG THƯƠNG					
1	1.013417	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	Điện	Không	Không	
2	1.013418	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của UBND cấp tỉnh	Điện	Không	Không	
3	1.013419	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện	Không	Không	
4	1.013420	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	Điện	Không	Không	
5	1.001419	Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế	Xuất nhập khẩu	Không	Không	
6	1.003438	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh)	Xuất nhập khẩu	Không	Không	
7	1.001062	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	Xuất nhập khẩu	Không	Không	
8	1.000957	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	Xuất nhập khẩu	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
9	1.000905	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	Xuất nhập khẩu	Không	Không	
10	1.000890	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	Xuất nhập khẩu	Không	Không	
11	1.004155	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	Xuất nhập khẩu	Không	Không	
12	1.004181	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt	Xuất nhập khẩu	Không	Không	
13	2.001758	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	Xuất nhập khẩu	Không	Không	
14	1.000551	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	Xuất nhập khẩu	Không	Không	
15	1.000477	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	Xuất nhập khẩu	Không	Không	
16	1.000400	Cấp chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mêhico	Xuất nhập khẩu	Không	Không	
17	1.001238	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Xuất nhập khẩu	Không	Không	
18	1.001104	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Xuất nhập khẩu	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
19	1.004191	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	Xuất nhập khẩu	Không	Không	
20	1.000264	Đăng ký Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản	Xuất nhập khẩu	Không	Không	
21	1.000665	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu D	Xuất nhập khẩu	Có	Có	
22	1.000695	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu E	Xuất nhập khẩu	Có	Có	
23	1.000603	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AK	Xuất nhập khẩu	Có	Có	
24	1.000432	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AJ	Xuất nhập khẩu	Có	Có	
25	1.000303	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AI	Xuất nhập khẩu	Có	Có	
26	1.000694	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AANZ	Xuất nhập khẩu	Có	Có	
27	1.000676	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu S	Xuất nhập khẩu	Có	Có	
28	2.000260	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu X	Xuất nhập khẩu	Có	Có	
29	1.000686	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VJ	Xuất nhập khẩu	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
30	1.000664	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VC	Xuất nhập khẩu	Có	Có	
31	1.000431	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VK	Xuất nhập khẩu	Có	Có	
32	1.000382	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu EAV	Xuất nhập khẩu	Có	Có	
33	1.000366	Cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	Xuất nhập khẩu	Không	Không	
34	1.001380	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) cấp sau	Xuất nhập khẩu	Có	Có	
35	1.001383	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O)	Xuất nhập khẩu	Có	Có	
36	1.003522	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) giáp lưng	Xuất nhập khẩu	Có	Có	
37	2.001372	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP	Xuất nhập khẩu	Có	Có	
38	1.007968	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AHK	Xuất nhập khẩu	Có	Có	
39	1.008361	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU	Xuất nhập khẩu	Có	Có	
40	1.008667	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1	Xuất nhập khẩu	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
41	1.008882	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	Xuất nhập khẩu	Không	Không	
42	1.010056	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu EUR.1 trong UKVFTA	Xuất nhập khẩu	Có	Có	
43	1.010762	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu RCEP	Xuất nhập khẩu	Có	Có	
44	1.000450	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi mẫu B	Xuất nhập khẩu	Có	Có	
45	2.000140	Cấp chứng chỉ kiểm định viên	An toàn vệ sinh lao động	Không	Không	
46	2.000066	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên	An toàn vệ sinh lao động	Không	Không	
47	1.003820	Cấp giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Hóa chất	Có	Có	
48	1.003775	Cấp lại giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Hóa chất	Có	Có	
49	2.001585	Cấp điều chỉnh giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Hóa chất	Có	Có	
50	1.003724	Cấp giấy phép sản xuất hóa chất bảng 2, bảng 3	Hóa chất	Có	Có	
51	2.001722	Cấp lại giấy phép sản xuất hóa chất bảng 2, hóa chất bảng 3	Hóa chất	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
52	1.004031	Cấp điều chỉnh giấy phép sản xuất hóa chất bảng 2, hóa chất bảng 3	Hóa chất	Có	Có	
53	2.000431	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Hóa chất	Có	Có	
54	2.000257	Cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hóa chất	Có	Có	
55	1.003390	Thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng	Thương mại điện tử	Không	Không	
56	1.000880	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	Thương mại điện tử	Không	Không	
57	2.000243	Thông báo website thương mại điện tử bán hàng	Thương mại điện tử	Không	Không	
58	2.001573	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp	Không	Không	
59	1.003705	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp	Không	Không	
60	1.003977	Cấp giấy phép phân phối rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	
61	1.005376	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	
62	1.003101	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
63	2.000026	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	Xúc tiến thương mại	Không	Không	
64	2.000133	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài.	Xúc tiến thương mại	Không	Không	
65	2.000251	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
66	1.000878	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
67	2.000401	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
68	2.000613	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
69	2.000624	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
70	1.001292	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
71	2.000618	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
72	2.000628	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
73	1.001271	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
74	2.000604	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
75	2.001665	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
76	2.001675	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
77	2.000115	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm	Có	Có	
78	2.000117	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm	Có	Có	
79	1.013990	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	Chất lượng sản phẩm hàng hóa	Không	Không	
80	2.000046	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	Khoa học, công nghệ	Không	Không	
81	1.001323	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	
82	2.000598	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	
83	1.001338	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	
84	2.000209	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	Công nghiệp tiêu dùng	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
85	1.000667	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Không	Không	
86	1.000172	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Không	Không	
87	1.000949	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	Công nghiệp tiêu dùng	Không	Không	
88	1.000162	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Không	Không	
89	1.000363	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà	Xuất nhập khẩu	Không	Không	
90	1.005190	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	Giám định Thương mại	Không	Không	
91	2.000110	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	Giám định Thương mại	Không	Không	
92	1.000376	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Có	Có	
93	2.000191	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Không	Không	
94	2.000190	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
95	2.000176	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	
96	2.000167	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	
97	2.001624	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	
98	2.001619	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	
99	2.000636	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	
100	2.000666	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	
101	2.000664	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	
102	2.000673	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	
103	2.000669	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	
104	2.000672	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
105	2.000648	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	
106	2.000645	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	
107	2.000647	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	
108	1.003401	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Không	Không	
109	2.000309	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp	Không	Không	
110	2.000631	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp	Không	Không	
111	2.000619	Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp	Không	Không	
112	2.000609	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp	Không	Không	
113	2.000004	Đăng ký thực hiện khuyến mại theo hình thức mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Xúc tiến thương mại	Không	Không	
114	2.000002	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Xúc tiến thương mại	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
115	2.000033	Thông báo hoạt động khuyến mại	Xúc tiến thương mại	Không	Không	
116	2.001474	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	Xúc tiến thương mại	Không	Không	
117	2.000131	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại	Không	Không	
118	2.000001	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại	Không	Không	
119	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	An toàn thực phẩm	Có	Có	
120	2.000535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	An toàn thực phẩm	Có	Có	
VIII	SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO					
1	1.012660	Thủ tục đề nghị cho người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam	Tín ngưỡng, tôn giáo	Không	Không	
2	1.012655	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung	Tín ngưỡng, tôn giáo	Không	Không	
3	1.012657	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	Tín ngưỡng, tôn giáo	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
4	1.012653	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam đến địa bàn tỉnh khác	Tín ngưỡng, tôn giáo	Không	Không	
5	1.012656	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam trong địa bàn một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	Không	Không	
6	1.012664	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	Không	Không	
7	1.012645	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	Không	Không	
8	1.012629	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Tín ngưỡng, tôn giáo	Không	Không	
9	1.012628	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	Không	Không	
10	1.012616	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo	Tín ngưỡng, tôn giáo	Không	Không	
11	1.012607	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
12	1.012606	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	Không	Không	
13	1.012605	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	Không	Không	
14	1.012646	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	Không	Không	
15	1.012648	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo	Không	Không	
16	1.012644	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	Tín ngưỡng, tôn giáo	Không	Không	
IX	SỞ TƯ PHÁP					
1	2.000635	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Hộ tịch	Có	Có	
2	2.002516	Xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	Có	Có	
3	1.013803	Bổ nhiệm công chứng viên	Công chứng	Không	Không	
4	1.013804	Bổ nhiệm lại công chứng viên	Công chứng	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
5	1.013805	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	Công chứng	Không	Không	
6	1.013806	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	Công chứng	Không	Không	
7	1.013807	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	Không	Không	
8	1.013808	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	Không	Không	
9	1.013810	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Công chứng	Không	Không	
10	1.013812	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Công chứng	Không	Không	
11	3.000444	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	Không	Không	
12	1.013816	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	Không	Không	
13	1.013818	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	Có	Có	
14	1.013859	Cấp Thẻ công chứng viên	Công chứng	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
15	1.013830	Cấp lại Thẻ Công chứng viên	Công chứng	Có	Có	
16	1.013832	Thu hồi Thẻ công chứng viên	Công chứng	Không	Không	
17	1.013834	Thành lập Văn phòng công chứng	Công chứng	Không	Không	
18	1.013835	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	Công chứng	Có	Có	
19	1.013836	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	Công chứng	Không	Không	
20	1.013837	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng do bị mất, hỏng	Công chứng	Có	Có	
21	1.013839	Hợp nhất Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng	Không	Không	
22	1.013840	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	Công chứng	Có	Có	
23	1.013842	Sáp nhập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng	Không	Không	
24	1.013843	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	Công chứng	Có	Có	
25	1.013846	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng	Công chứng	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
26	1.013848	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp	Công chứng	Không	Không	
27	1.013849	Chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng	Không	Không	
28	1.013852	Bán Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân	Công chứng	Không	Không	
29	1.013853	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được bán	Công chứng	Không	Không	
30	1.013856	Công nhận Điều lệ của Văn phòng công chứng được thành lập trước ngày 01/7/2025	Công chứng	Không	Không	
31	2.001333	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	Có	Có	
32	2.001258	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	Có	Có	
33	2.001247	Đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	Không	Không	
34	1.013634	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp	Đấu giá tài sản	Không	Không	
35	2.001395	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	Có	Có	
36	1.013635	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
37	1.001117	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	Giám định tư pháp	Không	Không	
38	2.000894	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	Giám định tư pháp	Không	Không	
39	1.009832	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp	Giám định tư pháp	Không	Không	
40	2.000555	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	Không	Không	
41	2.000890	Cấp phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	Không	Không	
42	1.001216	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	Không	Không	
43	2.000823	Đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	Không	Không	
44	2.000568	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định tư pháp của Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	Không	Không	
45	1.003179	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Nuôi con nuôi	Không	Không	
46	1.003198	Cấp Giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	Nuôi con nuôi	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
47	2.001895	Cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	Quốc tịch	Có	Có	
48	1.000828	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	Luật sư	Có	Không	
49	1.000688	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	Luật sư	Có	Không	
50	1.008624	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	Luật sư	Có	Không	
51	1.008628	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khách quan khác mà thông tin trên Chứng chỉ hành nghề luật sư bị thay đổi	Luật sư	Có	Không	
52	1.002010	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	Có	Có	
53	1.002032	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	Có	Có	
54	1.002055	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Luật sư	Có	Có	
55	1.002079	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	Luật sư	Có	Có	
56	1.002099	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
57	1.002153	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	Luật sư	Không	Không	
58	1.002181	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	Có	Có	
59	1.002198	Thay đổi nội dung giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	Có	Có	
60	1.002218	Hợp nhất công ty luật	Luật sư	Không	Không	
61	1.002234	Sáp nhập công ty luật	Luật sư	Không	Không	
62	1.008709	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	Luật sư	Không	Không	
63	1.002398	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	Luật sư	Có	Có	
64	1.002384	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	Luật sư	Có	Có	
65	1.002368	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	Có	Có	
66	1.008614	Thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư	Luật sư	Có	Không	
67	1.001928	Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài	Luật sư	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
68	1.000390	Cấp lại Thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	Không	Không	
69	1.000426	Cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	Không	Không	
70	1.000627	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật	Không	Không	
71	1.000614	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật	Không	Không	
72	1.000404	Thu hồi Thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	Không	Không	
73	1.000588	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	Tư vấn pháp luật	Không	Không	
74	2.000954	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Không	Không	
75	2.000840	Thủ tục chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Không	Không	
76	2.000970	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	Trợ giúp pháp lý	Không	Không	
77	1.001233	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Không	Không	
78	2.000596	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
79	2.000587	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Không	Không	
80	2.000518	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Không	Không	
81	2.000829	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Không	Không	
82	2.001680	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Không	Không	
83	2.001687	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Không	Không	
84	2.000977	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	Trợ giúp pháp lý	Không	Không	
85	2.000592	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Không	Không	
86	1.008907	Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại	Không	Không	
87	1.008908	Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại	Không	Không	
88	1.008914	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
89	2.000515	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hoà giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	Hòa giải thương mại	Không	Không	
90	1.008916	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại	Không	Không	
91	1.008912	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	Hòa giải thương mại	Không	Không	
92	2.001716	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại	Không	Không	
93	1.008915	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập	Hòa giải thương mại	Không	Không	
94	2.001130	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
95	1.002681	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	Có	Có	
96	2.001117	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	Có	Có	
97	1.002626	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	Có	Có	
98	1.001842	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	Có	Có	
99	1.008727	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	Không	Không	
100	1.001600	Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, người đại diện theo pháp luật, danh sách Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	Không	Không	
101	1.001633	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
102	1.008921	Công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa phát lại ở nước ngoài	Thừa phát lại	Không	Không	
103	1.008922	Bổ nhiệm Thừa phát lại	Thừa phát lại	Có	Có	
104	1.008923	Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)	Thừa phát lại	Không	Không	
105	1.008924	Bổ nhiệm lại Thừa phát lại	Thừa phát lại	Có	Có	
106	1.008925	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	Thừa phát lại	Không	Không	
107	1.008926	Thay đổi nơi tập sự hành nghề thừa phát lại	Thừa phát lại	Không	Không	
108	1.008927	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ thừa phát lại	Thừa phát lại	Không	Không	
109	1.008928	Cấp lại Thẻ thừa phát lại	Thừa phát lại	Không	Không	
110	1.008929	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	Có	Có	
111	1.008930	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	Không	Không	
112	1.008931	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
113	1.008932	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	Không	Không	
114	1.008933	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	Không	Không	
115	1.008934	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	Không	Không	
116	1.008935	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	Không	Không	
117	1.008936	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	Không	Không	
118	1.008937	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	Không	Không	
119	2.000822	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	Trọng tài thương mại	Có	Có	
120	2.000819	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài	Trọng tài thương mại	Có	Có	
121	1.008886	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	Có	Có	
122	1.001609	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	Có	Có	
123	1.008888	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
124	1.008889	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại	Có	Có	
125	1.008906	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại	Có	Có	
126	1.008887	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	Trọng tài thương mại	Có	Có	
127	1.005464	Thủ tục đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Không	Không	
128	3.000024	Thủ tục đề nghị thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
X	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ					
1	1.003659	Cấp giấy phép bưu chính	Bưu chính	Có	Có	
2	1.003687	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính.	Bưu chính	Có	Có	
3	1.003633	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn.	Bưu chính	Có	Có	
4	1.004379	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	Bưu chính	Có	Có	
5	1.004470	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	Bưu chính	Có	Có	
6	1.005442	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được.	Bưu chính	Có	Có	
7	1.010902	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính.	Bưu chính	Không	Không	
8	1.013819	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Viễn thông và internet	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
9	1.013877	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	Viễn thông và internet	Không	Không	
10	1.013885	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông.	Viễn thông và internet	Không	Không	
11	1.013888	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp	Viễn thông và internet	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
		ngành cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông.				
12	1.013390	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông.	Viễn thông và internet	Không	Không	
13	1.013897	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị.	Viễn thông và internet	Không	Không	
14	1.013899	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	Viễn thông và internet	Có	Có	
15	1.013900	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Viễn thông và internet	Có	Có	
16	1.013901	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại	Viễn thông và internet	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
		điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.				
17	1.013902	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.	Viễn thông và internet	Có	Có	
18	1.013904	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Viễn thông và internet	Có	Có	
19	1.013903	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Viễn thông và internet	Có	Có	
20	1.013905	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng	Viễn thông và internet	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
		số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương				
21	1.013906	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và internet	Có	Có	
22	1.013907	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Viễn thông và internet	Có	Có	
23	1.013976	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và internet	Có	Có	
24	1.013908	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	Viễn thông và internet	Không	Không	
25	1.013909	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Viễn thông và internet	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
26	1.013913	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Viễn thông và internet	Không	Không	
27	1.013914	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Viễn thông và internet	Không	Không	
28	2.002741	Gia hạn chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Viễn thông và internet	Không	Không	
29	1.013917	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động.	Viễn thông và internet	Không	Không	
30	1.013910	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá	Viễn thông và internet	Không	Không	
31	1.013911	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá	Viễn thông và internet	Không	Không	
32	2.002777	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện	Có	Có	
33	2.002778	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện	Có	Có	
34	2.002775	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện	Có	Có	
35	2.002779	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
36	2.002781	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện	Có	Có	
37	1.010248	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện	Có	Có	
38	2.002776	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện	Có	Có	
39	1.010249	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện	Có	Có	
40	2.002783	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện	Có	Có	
41	2.002784	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện	Có	Có	
42	2.002785	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện	Có	Có	
43	2.002786	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện	Có	Có	
44	2.002788	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Tần số vô tuyến điện	Có	Có	
45	2.002789	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Tần số vô tuyến điện	Có	Có	
46	2.002780	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Tần số vô tuyến điện	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
47	2.002790	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Tần số vô tuyến điện	Có	Có	
48	1.013935	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện	Không	Không	
49	1.011891	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện	Không	Không	
50	2.002791	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải	Tần số vô tuyến điện	Không	Không	
51	2.002792	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải	Tần số vô tuyến điện	Không	Không	
52	1.011939	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Không	Không	
53	1.013923	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Có	Có	
54	1.011928	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Có	Có	
55	1.011929	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Có	Có	
56	1.011921	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Có	Có	
57	1.011931	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
58	1.011932	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Có	Có	
59	1.011933	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Không	Không	
60	1.011930	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Có	Có	
61	1.011912	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ	Sở hữu trí tuệ	Có	Có	
62	1.011914	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Có	Có	
63	1.011915	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Có	Có	
64	1.011918	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Có	Có	
65	1.011916	Thủ tục ra Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	Sở hữu trí tuệ	Không	Không	
66	1.013917	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	Sở hữu trí tuệ	Không	Không	
67	2.002379	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
68	2.002385	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân	Có	Có	
69	1.013971	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn trong sử dụng thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân	Có	Có	
70	1.013948	Khai báo thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân	Có	Có	
71	2.001209	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận.	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Có	Có	
72	2.001207	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Có	Có	
73	2.001277	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Có	Có	
74	2.002253	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
75	2.001208	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
76	2.001100	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
77	2.001501	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
78	2.001259	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
79	1.001392	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
80	2.000212	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
81	1.000449	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
82	3.000450	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
83	3.000463	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
84	3.000452	Thủ tục chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký khi nhận được đề nghị không tiếp tục thực hiện toàn bộ lĩnh vực hoạt động đã được chứng nhận đăng ký của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
85	3.000453	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
86	3.000451	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
87	3.000454	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
88	3.000455	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
89	3.000456	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
90	3.000457	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
91	3.000458	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
92	3.000460	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
93	3.000459	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
94	3.000461	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
95	3.000462	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
96	3.000464	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
97	3.000469	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
98	3.000470	Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
99	3.000471	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
100	3.000488	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
101	3.000472	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
102	3.000473	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
103	3.000474	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
104	3.000475	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn.	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
105	3.000476	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn.	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
106	3.000477	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
107	3.000478	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
108	3.000479	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
109	3.000480	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
110	3.000481	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
		độc lập, tổ chức chứng nhận và thẻ cho chuyên gia trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc				
111	3.000482	Thủ tục cấp bổ sung thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
112	3.000483	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
113	3.000484	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
114	3.000485	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Không	Không	
115	3.000259	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	Khoa học công nghệ	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
116	1.011818	Thủ tục Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Khoa học công nghệ	Không	Không	
117	1.011820	Thủ tục Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	Khoa học công nghệ	Không	Không	
118	1.011819	Thủ tục Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Khoa học công nghệ	Không	Không	
119	1.011814	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Khoa học công nghệ	Không	Không	
120	2.001143	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	Khoa học công nghệ	Không	Không	
121	1.002690	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ	Khoa học công nghệ	Không	Không	
122	1.013931	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Khoa học công nghệ	Không	Không	
123	1.013933	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Khoa học công nghệ	Không	Không	
124	1.013936	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Khoa học công nghệ	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
125	1.013939	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Khoa học công nghệ	Có	Có	
126	1.013940	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Khoa học công nghệ	Không	Không	
127	1.013943	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Khoa học công nghệ	Không	Không	
128	1.013944	Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư	Khoa học công nghệ	Không	Không	
129	1.013918	Chấp thuận chuyển giao công nghệ	Khoa học công nghệ	Có	Có	
130	1.013927	Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ	Khoa học công nghệ	Có	Có	
131	2.002248	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Khoa học công nghệ	Có	Có	
132	2.002249	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Khoa học công nghệ	Có	Có	
133	2.002544	Thủ tục cấp giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	Khoa học công nghệ	Không	Không	
134	2.002546	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	Khoa học công nghệ	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
135	2.002548	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	Khoa học công nghệ	Không	Không	
136	2.002609	Thủ tục xác nhận dự án đầu tư đáp ứng nguyên tắc hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao	Khoa học công nghệ	Không	Không	
137	1.001786	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	Khoa học công nghệ	Có	Có	
138	1.001716	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Khoa học công nghệ	Có	Có	
139	1.013938	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài	Khoa học công nghệ	Không	Không	
140	1.013941	Cấp Giấy phép thành lập lần đầu cho Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam	Khoa học công nghệ	Có	Có	
141	2.001179	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Khoa học công nghệ	Không	Không	
142	2.002278	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Khoa học công nghệ	Không	Không	
143	2.001525	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Khoa học công nghệ	Không	Không	
144	1.011815	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	Khoa học công nghệ	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
145	1.011816	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	Khoa học công nghệ	Không	Không	
XI	SỞ NỘI VỤ					
1	1.013017	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Quản lý nhà nước về quỹ	Không	Không	
2	1.013018	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	Quản lý nhà nước về quỹ	Không	Không	
3	1.013019	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	Quản lý nhà nước về quỹ	Không	Không	
4	1.013020	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Quản lý nhà nước về quỹ	Không	Không	
5	1.013021	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	Quản lý nhà nước về quỹ	Không	Không	
6	1.013022	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	Quản lý nhà nước về quỹ	Không	Không	
7	1.013023	Thủ tục quỹ tự giải thể	Quản lý nhà nước về quỹ	Không	Không	
8	1.012927	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	Quản lý nhà nước về hội	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
9	1.012929	Thủ tục thành lập hội	Quản lý nhà nước về hội	Không	Không	
10	1.012942	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	Quản lý nhà nước về hội	Không	Không	
11	1.012943	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	Quản lý nhà nước về hội	Không	Không	
12	1.012945	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	Quản lý nhà nước về hội	Không	Không	
13	1.012946	Thủ tục hội tự giải thể	Quản lý nhà nước về hội	Không	Không	
14	1.012947	Thủ tục cho phép hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện	Quản lý nhà nước về hội	Không	Không	
15	1.012948	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	Quản lý nhà nước về hội	Không	Không	
16	2.001683	Xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	Quản lý nhà nước về công tác thanh niên	Không	Không	
17	1.003999	Giải thể tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	Quản lý nhà nước về công tác thanh niên	Không	Không	
18	2.001717	Thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	Quản lý nhà nước về công tác thanh niên	Không	Không	
19	1.014196	Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
20	1.014197	Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Có	Có	
21	1.014198	Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Có	Có	
22	1.014199	Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Có	Có	
23	1.014200	Cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Có	Có	
24	1.014201	Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Có	Có	
25	1.001978	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	Không	Không	
26	1.001973	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	Không quy định	Không	
27	1.001966	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	Không quy định	Không	
28	2.001953	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	Không quy định	Không	
29	2.000178	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)	Việc làm	Không quy định	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
30	1.000401	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)	Việc làm	Không quy định	Không	
31	1.000362	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng	Việc làm	Không quy định	Không	
32	1.001865	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm	Không	Không	
33	1.001853	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm	Không	Không	
34	1.001823	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm	Không	Không	
35	1.009874	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm	Không	Không	
36	1.009873	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm	Không	Không	
37	2.001955	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	Lao động, tiền lương	Không	Không	
38	1.000414	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	Lao động, tiền lương	Không	Không	
39	1.000436	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Lao động, tiền lương	Không	Không	
40	1.000448	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Lao động, tiền lương	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
41	1.000464	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Lao động, tiền lương	Không	Không	
42	1.000479	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Lao động, tiền lương	Không	Không	
43	1.009466	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	Lao động, tiền lương	Không	Không	
44	1.009467	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể	Lao động, tiền lương	Không	Không	
45	1.013727	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập từ 90 ngày trở lên	Quản lý lao động ngoài nước	Không	Không	
46	1.013728	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài	Quản lý lao động ngoài nước	Không	Không	
47	1.013729	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài	Quản lý lao động ngoài nước	Không	Không	
48	1.013731	Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài	Quản lý lao động ngoài nước	Không	Không	
49	1.013733	Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Quản lý lao động ngoài nước	Không	Không	
50	1.005132	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	Quản lý lao động ngoài nước	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
51	2.000111	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp	An toàn, vệ sinh lao động	Không	Không	
52	1.005449	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	An toàn, vệ sinh lao động	Có	Có	
53	1.005450	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	An toàn, vệ sinh lao động	Có	Có	
54	1.010801	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	Người có công	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
55	1.010802	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	Người có công	Không	Không	
56	1.010803	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công	Không	Không	
57	1.010804	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Người có công	Không	Không	
58	1.010808	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	Người có công	Không	Không	
59	1.010809	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	Người có công	Không	Không	
60	1.010811	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Người có công	Không	Không	
61	1.010814	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là ngành Nội vụ) quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	Người có công	Không	Không	
62	1.010816	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công	Không	Không	
63	1.010817	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
64	1.010818	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Người có công	Không	Không	
65	1.010819	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Người có công	Không	Không	
66	1.010820	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	Người có công	Không	Không	
67	1.010821	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Người có công	Không	Không	
68	1.010824	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	Người có công	Không	Không	
69	1.010825	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	Người có công	Không	Không	
70	1.010826	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	Người có công	Không	Không	
71	1.010827	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	Người có công	Không	Không	
72	1.010828	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	Người có công	Không	Không	
73	1.010829	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
74	1.010830	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công	Không	Không	
75	1.004964	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	Người có công	Không quy định	Không	
76	2.001157	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công	Không	Không	
77	1.001257	Giải quyết một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Người có công	Không	Không	
78	2.002308	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Người có công	Không	Không	
XII	SỞ XÂY DỰNG					
1	1.013219	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
2	1.013237	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
3	1.013217	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Hoạt động xây dựng	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
4	1.013223	Công nhận tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III/chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III cho hội viên của mình	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
5	1.013222	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
6	1.013224	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
7	1.013236	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
8	1.013238	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
9	1.013230	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo	Hoạt động xây dựng	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
		tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)				
10	1.013231	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
11	1.013233	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
12	1.013235	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
13	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Hoạt động xây dựng	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
14	1.013234	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
15	1.011708	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	Không	Không	
16	1.011710	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp)	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	Không	Không	
17	1.014159	Cung cấp thông tin về hồ sơ cấm mốc, thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	Có	Có	
18	1.008891	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	Có	Có	
19	1.008989	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc)	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	Có	Có	
20	1.008990	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
21	1.008991	Thủ tục gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	Có	Có	
22	1.008992	Thủ tục công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	Có	Có	
23	1.008993	Thủ tục chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	Có	Có	
24	1.012891	Cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương	Nhà ở và công sở	Không	Không	
25	1.012896	Cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công	Nhà ở và công sở	Không	Không	
26	1.012890	Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài	Nhà ở và công sở	Không	Không	
27	1.007765	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	Nhà ở và công sở	Không	Không	
28	1.012894	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công	Nhà ở và công sở	Không	Không	
29	1.012884	Thông báo đơn vị đủ điều kiện quản lý vận hành nhà chung cư đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng	Nhà ở và công sở	Không	Không	
30	1.012893	Bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	Nhà ở và công sở	Không	Không	
31	1.012882	Thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của các tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở	Nhà ở và công sở	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
32	1.012892	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở	Nhà ở và công sở	Không	Không	
33	1.012898	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	Nhà ở và công sở	Không	Không	
34	1.012897	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở	Nhà ở và công sở	Không	Không	
35	1.012887	Đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở 2023	Nhà ở và công sở	Không	Không	
36	1.012886	Điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	Nhà ở và công sở	Không	Không	
37	1.012895	Thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân	Nhà ở và công sở	Không	Không	
38	1.012885	Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	Nhà ở và công sở	Không	Không	
39	1.012883	Chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	Nhà ở và công sở	Không	Không	
40	3.000506	Thủ tục giao chủ đầu tư không thông qua đấu thầu đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương	Nhà ở và công sở	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
41	3.000507	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc chưa có văn bản pháp lý tương đương	Nhà ở và công sở	Không	Không	
42	3.000508	Thủ tục điều chỉnh quyết định giao chủ đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội	Nhà ở và công sở	Không	Không	
43	1.013769	Chuyển đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công	Nhà ở và công sở	Không	Không	
44	1.006871	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	Vật liệu xây dựng	Có	Có	
45	1.011675	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	Giám định tư pháp	Không	Không	
46	2.001116	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	Giám định tư pháp	Không	Không	
47	1.004883	Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang (đối với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống)	Đường sắt	Không	Không	
48	1.005058	Gia hạn Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	Đường sắt	Không	Không	
49	1.000294	Bãi bỏ đường ngang	Đường sắt	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
50	1.005126	Cấp Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	Đường sắt	Không	Không	
51	1.004685	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt	Đường sắt	Không	Không	
52	1.004681	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt	Đường sắt	Không	Không	
53	1.004691	Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt	Đường sắt	Không	Không	
54	1.010000	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Đường sắt	Có	Có	
55	1.004844	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Đường sắt	Có	Có	
56	1.005075	Xóa, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Đường sắt	Không	Không	
57	1.005134	Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	Đường sắt	Không	Không	
58	1.005123	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	Đường sắt	Không	Không	
59	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
60	1.004242	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
61	1.000344	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
62	1.009451	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
63	1.009464	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
64	1.009445	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
65	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
66	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
67	1.004261	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
68	1.009450	Công bố đóng khu neo đậu	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
69	1.009446	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
70	2.001219	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
71	1.009459	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
72	1.009458	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
73	1.009460	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
74	1.009442	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
75	1.009443	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
76	1.009461	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
77	1.004259	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
78	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
79	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
80	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
81	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
82	1.009456	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
83	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
84	1.003135	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
85	1.004047	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
86	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
87	1.009463	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
88	2.001659	Xóa đăng ký phương tiện	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
89	1.009462	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
90	2.002616	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
91	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
92	1.009449	Công bố hoạt động khu neo đậu	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
93	2.002615	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
94	2.002617	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
95	1.009448	Thiết lập khu neo đậu	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
96	2.002625	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
97	2.000795	Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
98	2.001802	Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
99	2.002624	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
100	1.013468	Chấm dứt hoạt động tàu lặn	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
101	1.013466	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
102	1.013467	Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
103	1.007949	Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
104	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
105	1.002771	Phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
106	1.001870	Đổi tên cảng cạn	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
107	1.001223	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
108	1.000940	Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
109	1.000892	Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
110	2.000378	Cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
111	1.001023	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	Đường bộ	Không	Không	
112	1.001577	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	Đường bộ	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
113	1.002861	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	Đường bộ	Không	Không	
114	1.002286	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	Đường bộ	Không	Không	
115	2.002288	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	Đường bộ	Không	Không	
116	1.002063	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	Đường bộ	Không	Không	
117	1.002268	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Đường bộ	Không	Không	
118	1.001061	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	Đường bộ	Không	Không	
119	2.000769	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (trường hợp cơ sở đào tạo đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động)	Đường bộ	Có	Có	
120	1.001046	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	Đường bộ	Không	Không	
121	1.010707	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	Đường bộ	Không	Không	
122	1.002856	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	Đường bộ	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
123	1.000703	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	Đường bộ	Không	Không	
124	2.002287	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	Đường bộ	Không	Không	
125	2.002286	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	Đường bộ	Không	Không	
126	1.004993	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Đường bộ	Không	Không	
127	2.002285	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	Đường bộ	Không	Không	
128	1.001765	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Đường bộ	Không	Không	
129	1.002046	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	Đường bộ	Không	Không	
130	1.005210	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo	Đường bộ	Không	Không	
131	1.001737	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	Đường bộ	Không	Không	
132	1.001751	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái	Đường bộ	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
133	1.002798	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác	Đường bộ	Không	Không	
134	1.000314	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	Đường bộ	Không	Không	
135	1.013259	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Đường bộ	Không	Không	
136	1.002334	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	Đường bộ	Không	Không	
137	1.013260	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	Đường bộ	Không	Không	
138	1.000028	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	Đường bộ	Không	Không	
139	1.013277	Chấp thuận đầu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	Đường bộ	Không	Không	
140	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Đường bộ	Không	Không	
141	1.013261	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Đường bộ	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
142	1.013276	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc	Đường bộ	Không	Không	
143	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	Đường bộ	Không	Không	
144	1.002817	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc số TAD	Đường bộ	Không	Không	
145	1.010704	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN	Đường bộ	Không	Không	
146	1.010702	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN	Đường bộ	Không	Không	
147	1.005024	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô	Đường bộ	Không	Không	
148	1.005021	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô	Đường bộ	Không	Không	
149	1.002877	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Đường bộ	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
150	1.002847	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào	Đường bộ	Không	Không	
151	1.002829	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS	Đường bộ	Không	Không	
152	2.001034	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam	Đường bộ	Không	Không	
153	1.001725	Cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Đường bộ	Không	Không	
154	1.001717	Cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Đường bộ	Không	Không	
155	1.001692	Cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Đường bộ	Không	Không	
156	1.001666	Chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Đường bộ	Không	Không	
157	1.000321	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia	Đường bộ	Không	Không	
158	1.000302	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia	Đường bộ	Không	Không	
159	1.013368	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác	Đường bộ	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
160	1.013366	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác	Đường bộ	Không	Không	
161	3.000252	Thủ tục xác định xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên	Thuế	Không	Không	
162	3.000254	Thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu	Thuế	Không	Không	
163	1.009791	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Không	Không	
164	1.009788	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh.	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Không	Không	
165	1.012901	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị hỏng)	Kinh doanh bất động sản	Không	Không	
166	1.012910	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ cũ đã hết hạn hoặc gần hết hạn)	Kinh doanh bất động sản	Có	Có	
167	1.012907	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ bị cháy, bị mất, bị rách, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác)	Kinh doanh bất động sản	Có	Có	
168	1.012906	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	Kinh doanh bất động sản	Có	Có	
169	1.012902	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp thay đổi thông tin của sàn)	Kinh doanh bất động sản	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
170	1.012900	Cấp giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản	Kinh doanh bất động sản	Không	Không	
171	1.012903	Thông báo quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở	Kinh doanh bất động sản	Không	Không	
172	1.012904	Đăng ký cấp quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Kinh doanh bất động sản	Có	Có	
173	1.012905	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	Kinh doanh bất động sản	Không	Không	
174	1.013777	Cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản	Kinh doanh bất động sản	Không	Không	
175	1.002693	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	Hạ tầng kỹ thuật	Không	Không	
XIII	BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH					
1	1.009773	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Quản lý đầu tư	Không	Không	
2	1.009771	Ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Quản lý đầu tư	Không	Không	
3	1.009772	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	Quản lý đầu tư	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
4	1.009774	Cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Quản lý đầu tư	Không	Không	
5	1.009776	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Quản lý đầu tư	Không	Không	
6	1.009756	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Quản lý đầu tư	Không	Không	
7	1.009775	Thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	Quản lý đầu tư	Không	Không	
8	1.009777	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Quản lý đầu tư	Không	Không	
9	1.009748	Chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	Quản lý đầu tư	Không	Không	
10	1.009757	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (BQL)	Quản lý đầu tư	Không	Không	
11	1.009759	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý	Quản lý đầu tư	Không	Không	
12	1.009760	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Quản lý đầu tư	Không	Không	
13	1.009762	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối	Quản lý đầu tư	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
		với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý				
14	1.009763	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Quản lý đầu tư	Không	Không	
15	1.009764	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Quản lý đầu tư	Không	Không	
16	1.009765	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Quản lý đầu tư	Không	Không	
17	1.009766	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Quản lý đầu tư	Không	Không	
18	1.009767	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Quản lý đầu tư	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
19	1.009768	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	Quản lý đầu tư	Không	Không	
20	1.009769	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	Quản lý đầu tư	Không	Không	
21	1.009770	Gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Quản lý đầu tư	Không	Không	
22	2.002725	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
23	2.002726	Thủ tục điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
24	2.002727	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
25	2.002728	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái (thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh)	Khu công nghiệp, khu kinh tế	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
26	2.002731	Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái (thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh)	Khu công nghiệp, khu kinh tế	Không	Không	
27	2.002729	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái (thẩm quyền quyết định của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh)	Khu công nghiệp, khu kinh tế	Không	Không	
28	2.002732	Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái (thẩm quyền quyết định của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh)	Khu công nghiệp, khu kinh tế			
29	1.009972	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
30	1.009973	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
31	1.009974	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
32	1.009977	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo	Hoạt động xây dựng	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
		tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)				
33	1.009975	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
34	1.009976	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
35	1.009978	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
36	1.009979	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình	Hoạt động xây dựng	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
		không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)				
37	2.001955	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	Lao động tiền lương	Không	Không	
38	2.000063	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Có	Có	
39	2.000450	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Có	Có	
40	2.000347	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Có	Có	
41	2.000327	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Có	Có	
XIV	BAN QUẢN LÝ KHU NÔNG NGHIỆP VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO					
1	1.009748	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	Đầu tư tại Việt nam	Không	Không	
2	1.009756	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Đầu tư tại Việt nam	Không	Không	
3	1.009757	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt nam	Không	Không	
4	1.009759	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt nam	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
5	1.009760	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt nam	Không	Không	
6	1.009765	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt nam	Không	Không	
7	1.009768	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	Đầu tư tại Việt nam	Không	Không	
8	1.009769	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	Đầu tư tại Việt nam	Không	Không	
9	1.009771	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt nam	Không	Không	
10	1.009772	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	Đầu tư tại Việt nam	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
11	1.009775	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam	Không	Không	
12	1.009776	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Đầu tư tại Việt nam	Không	Không	
13	1.009762	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt nam	Không	Không	
14	1.009763	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt nam	Không	Không	
15	1.009764	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt nam	Không	Không	
16	1.009766	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp	Đầu tư tại Việt nam	Không	Không	
17	1.009767	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh	Đầu tư tại Việt nam	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
18	1.009770	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt nam	Không	Không	
19	1.009774	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt nam	Không	Không	
20	1.009773	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt nam	Không	Không	
21	1.009777	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Đầu tư tại Việt nam	Không	Không	
22	2.002609	Thủ tục xác nhận dự án đầu tư đáp ứng nguyên tắc hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao	Hoạt động khoa học và công nghệ	Không	Không	
23	1.013236	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
24	1.013238	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
25	1.013230	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
26	1.013231	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
27	1.013233	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
28	1.013235	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
29	1.013225	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
30	1.013229	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
31	1.013232	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
32	1.013226	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
33	1.013227	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô	Hoạt động xây dựng	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
		thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ				
34	1.013228	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
XV	BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ PHÚ YÊN					
1	1.009645	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
2	1.009742	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
3	1.009748	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
4	1.009755	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
5	1.009756	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (BQL)	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
6	1.009757	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (BQL)	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
7	1.009759	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
8	1.009760	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý.	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
9	1.009762	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
10	1.009763	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
11	1.009764	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
12	1.009765	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
		tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý				
13	1.009766	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
14	1.009767	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
15	1.009768	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
16	1.009769	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
17	1.009770	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
18	1.009771	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
19	1.009772	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
20	1.009773	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (BQL)	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
21	1.009774	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (BQL)	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
22	1.009775	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (BQL)	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
23	1.009776	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (BQL)	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
24	1.009777	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (BQL)	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
25	2.002725	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
26	2.002726	Thủ tục điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
27	2.002727	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Đầu tư tại Việt Nam	Không	Không	
28	2.002603	Công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (Cấp tỉnh)	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Không	Không	
29	2.002729	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế	Không	Không	
30	2.002728	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế	Không	Không	
31	2.002731	Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế	Không	Không	
32	2.002732	Thủ tục Chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế	Không	Không	
33	2.001955	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp.	Lao động	Không	Không	
34	1.012927	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội (cấp tỉnh)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Không	Không	
35	2.000063	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Có	Có	
36	2.000450	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Có	Có	
37	2.000347	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
38	2.000327	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Có	Có	
39	2.000314	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép	Thương mại quốc tế	Không	Không	
40	1.014159	Cung cấp thông tin về hồ sơ cấm mốc, thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	Không	Không	
41	1.013236	Cấp giấy phép xây dựng mới công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
42	1.013238	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
43	1.013231	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo	Hoạt động xây dựng	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
		tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)				
44	1.013233	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
45	1.013235	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
46	1.013230	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
47	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Hoạt động xây dựng	Có	Có	

B. DANH MỤC TTHC CẤP XÃ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
I	LĨNH VỰC Y TẾ					
1	1.013821	Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội	Không	Không	
2	1.013822	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội	Không	Không	
3	1.001731	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Bảo trợ xã hội	Không	Không	
4	2.000355	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội	Không	Không	
5	1.001653	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội	Không	Không	
II	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH					
6	1.001612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
7	2.000720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh	Có	Có	
8	1.001570	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh	Không	Không	
9	1.001266	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh	Không	Không	
10	2.000575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh	Có	Có	
11	1.014030	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh	Có	Có	
12	1.014035	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh	Không	Không	
13	2.002635	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Có	Có	
14	2.002636	Đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Không	Không	
15	2.002643	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
			tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã			
16	2.002645	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Không	Không	
17	2.002637	Đăng ký thành lập Tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Không	Không	
18	2.002638	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Không	Không	
19	2.002639	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký Tổ hợp tác	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Không	Không	
20	2.002640	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Không	Không	
21	2.002641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Không	Không	
22	2.002642	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
			tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã			
23	2.002644	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Không	Không	
24	2.002646	Thông báo lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện ở nước ngoài	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Có	Có	
25	2.002648	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Có	Có	
26	2.002649	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Có	Có	
27	2.002650	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Có	Có	
28	1.005280	Đăng ký thành lập Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành Hợp tác xã; đăng ký khi Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Có	Có	
29	2.002123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
			tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã			
30	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Có	Có	
31	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Có	Có	
32	2.001973	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Có	Có	
33	1.004982	Đăng ký giải thể Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Không	Không	
34	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã; thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Có	Có	
35	2.001958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Có	Có	
36	1.005377	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trở lại đối với Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
			tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã			
37	1.005010	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Không	Không	
38	1.004901	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Có	Có	
39	2.002668	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã	Hỗ trợ Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã	Không	Không	
III	LĨNH VỰC GIÁO DỤC					
40	1.012975	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	Các cơ sở giáo dục khác	Không	Không	
41	3.000309	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Các cơ sở giáo dục khác	Không	Không	
42	1.012972	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	Giáo dục mầm non	Không	Không	
43	1.006390	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Giáo dục mầm non	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
44	1.006444	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục mầm non	Không	Không	
45	1.012974	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Giáo dục mầm non	Không	Không	
46	1.012962	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non	Không	Không	
47	1.012973	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Giáo dục mầm non	Không	Không	
48	1.006445	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non	Không	Không	
49	1.012971	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Giáo dục mầm non	Không	Không	
50	1.012961	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non	Không	Không	
51	2.001960	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp	Không	Không	
52	1.012970	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên	Không	Không	
53	3.000308	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Giáo dục thường xuyên	Không	Không	
54	3.000307	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
55	1.012969	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên	Không	Không	
56	2.001842	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Giáo dục tiểu học	Không	Không	
57	1.004552	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục tiểu học	Không	Không	
58	1.001639	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	Giáo dục tiểu học	Không	Không	
59	1.004563	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	Giáo dục tiểu học	Không	Không	
60	1.012963	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	Giáo dục tiểu học	Không	Không	
61	3.000182	Tuyển sinh trung học cơ sở	Giáo dục trung học	Không	Không	
62	2.002481	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	Giáo dục trung học	Không	Không	
63	2.002483	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	Giáo dục trung học	Không	Không	
64	2.002482	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	Giáo dục trung học	Không	Không	
65	1.012965	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Giáo dục trung học	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
66	1.012966	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục trung học	Không	Không	
67	1.012968	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Giáo dục trung học	Không	Không	
68	1.012967	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học	Không	Không	
69	1.012964	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học	Không	Không	
70	1.003702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Giáo dục và Đào tạo	Không	Không	
71	1.008724	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Không	Không	
72	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Không	Không	
73	1.005144	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
74	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Không	Không	
75	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Không	Không	
76	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Không	Không	
77	1.002407	Xét, cấp học bổng chính sách (đối với học viên tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục dành cho thương binh, người khuyết tật)	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Không	Không	
78	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Không	Không	
79	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú (THCS)	Thi, tuyển sinh	Không	Không	
80	1.005092	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	Văn bằng, chứng chỉ	Không	Không	
IV	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH					
81	1.013791	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	Văn hóa cơ sở	Không	Không	
82	1.003645	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp xã	Văn hóa cơ sở	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
83	1.013794	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Không	Không	
84	1.013793	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Không	Không	
85	1.013792	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Không	Không	
86	1.013795	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Không	Không	
V	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG					
87	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	Trồng trọt	Không	Không	
88	1.011471	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết UBND cấp xã	Lâm nghiệp	Không	Không	
89	1.000047	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	Kiểm lâm	Không	Không	
90	3.000250	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	Lâm nghiệp	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
91	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III	Thủy sản	Không	Không	
92	1.008603	Thủ tục kê khai, thẩm định tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Chính sách Thuế	Có	Có	
93	1.013040	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Chính sách Thuế	Có	Có	
VI	LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG					
94	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	
95	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	
96	2.000150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	
97	2.000620	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	
98	2.000615	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	
99	2.001240	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
100	2.000633	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	
101	2.000629	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	
102	1.001279	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	Có	Có	
VII	LĨNH VỰC DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO					
103	1.013796	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo	Không	Không	
104	1.013798	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo	Không	Không	
105	1.013797	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo	Không	Không	
106	1.012584	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo	Không	Không	
107	1.012585	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	Tín ngưỡng, tôn giáo	Không	Không	
VIII	LĨNH VỰC TƯ PHÁP					
108	2.000635	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Hộ tịch	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
109	2.002516	Xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	Có	Có	
110	1.001193	Đăng ký khai sinh	Hộ tịch	Có	Có	
111	2.000528	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Có	Có	
112	1.004884	Đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch	Có	Có	
113	2.000522	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Có	Có	
114	1.001022	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	Có	Có	
115	2.000779	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Có	Có	
116	1.004772	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	Có	Có	
117	1.000893	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	Có	Có	
118	1.000656	Đăng ký khai tử	Hộ tịch	Có	Có	
119	1.001766	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
120	1.005461	Đăng ký lại khai tử	Hộ tịch	Có	Có	
121	2.000497	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Có	Có	
122	1.004837	Đăng ký giám hộ	Hộ tịch	Không	Không	
123	1.001669	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Có	Có	
124	1.004845	Đăng ký chấm dứt giám hộ	Hộ tịch	Không	Không	
125	2.000756	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Có	Có	
126	3.000323	Đăng ký giám sát việc giám hộ	Hộ tịch	Có	Có	
127	3.000322	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Hộ tịch	Có	Có	
128	1.004859	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	Hộ tịch	Có	Có	
129	2.000748	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Hộ tịch	Có	Có	
130	2.002189	Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
131	2.000554	Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	Có	Có	
132	2.000547	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Hộ tịch	Có	Có	
133	1.000110	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	Có	Có	
134	1.000080	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	Có	Có	
135	1.004827	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	Có	Có	
136	1.004873	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch	Có	Có	
137	2.000986	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Hộ tịch	Có	Có	
138	2.002621	Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Hộ tịch - Đăng ký thường trú - Bảo trợ xã hội - Người có công	Có	Có	
139	2.002622	Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất	Hộ tịch - Đăng ký thường trú - Quản lý thu, Sổ - thẻ	Có	Có	
140	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
141	2.002349	Cấp Giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Nuôi con nuôi	Không	Không	
142	2.002363	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Nuôi con nuôi	Có	Có	
143	2.000930	Thôi làm hòa giải viên	Hòa giải ở cơ sở	Không	Không	
144	1.002211	Công nhận hòa giải viên	Hòa giải ở cơ sở	Không	Không	
145	2.000950	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	Hòa giải ở cơ sở	Không	Không	
146	2.002080	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Hòa giải ở cơ sở	Không	Không	
147	2.000424	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở	Hòa giải ở cơ sở	Không	Không	
IX	LĨNH VỰC NỘI VỤ					
148	1.013734	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	Quản lý lao động ngoài nước	Không	Không	
149	1.013750	Thăm viếng mộ liệt sĩ	Người có công	Không	Không	
150	1.010833	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Người có công	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
X.	LĨNH VỰC XÂY DỰNG					
151	1.014159	Cung cấp thông tin về hồ sơ cắm mốc, thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	Có	Có	
152	1.013225	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
153	1.013229	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
154	1.013232	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
155	1.013226	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
156	1.013227	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
157	1.013228	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	Có	Có	
158	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
159	1.009455	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
160	1.003658	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
161	1.009452	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
162	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
163	2.001217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
164	1.009454	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
165	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
166	1.009453	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
167	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
168	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
169	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
170	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
171	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
172	1.004047	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
173	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
174	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
175	2.001659	Xóa đăng ký phương tiện	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
176	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
177	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
178	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
179	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
180	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Không	Không	
181	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
182	1.002372	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	Hàng hải và Đường thủy nội địa	Có	Có	
183	1.012888	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	Nhà ở và công sở	Không	Không	
184	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Đường bộ	Không	Không	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có yêu cầu		Ghi chú
				Nghĩa vụ tài chính (Có/không)	Thanh toán trực tuyến (Có/không)	
185	1.000314	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	Đường bộ	Không	Không	
186	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	Đường bộ	Không	Không	
187	1.013368	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác	Đường bộ	Không	Không	
188	1.013366	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác	Đường bộ	Không	Không	